

Số: /KL-ĐT&CTHSSV

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2020

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020

I. Thông tin chung

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên đơn vị: Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Địa chỉ: Nhà E1, số144, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: 02437.549.714; Website: <http://law.vnu.edu.vn>;
- Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhkhoaluat.vnu>.
- Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về pháp luật theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo quản lý có tầm chiến lược và khả năng thích ứng cao cho Nhà nước, các tổ chức và xã hội, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; sáng tạo, truyền bá tri thức; nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu khoa học ứng dụng về Luật; tư vấn, phản biện và cung cấp dịch vụ pháp luật có giá trị cao cho Nhà nước, tổ chức, xã hội và công dân.

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020 (người học)

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I.	Chính quy								
1	Sau đại học								
1.1	Tiến sĩ								
1.1.1	<i>Ngành Luật</i>			95					95
1.2	Thạc sĩ								
1.2.1	<i>Ngành Luật</i>			834					834
2	Đại học								
2.1	Chính quy								
2.1.1	<i>Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên</i>								
2.1.1.1	<i>Ngành Luật</i>			1627					1627
2.1.1.2	<i>Ngành Luật kinh doanh</i>			623					623
2.1.1.3	<i>Ngành Luật Thương mại quốc tế</i>			54					54
II	Vừa làm vừa học								

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
1	Đại học								
1.1	Vừa làm vừa học								
1.1.1	<i>Ngành Luật</i>			106					106
1.2	Đào tạo trình độ ĐH đối với người đã có bằng ĐH								
1.2.1	<i>Ngành Luật</i>			275					275

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng và xét tuyển (bao gồm xét tuyển thẳng) các đối tượng khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và Khoa Luật;

- Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực còn hạn do ĐHQGHN tổ chức (năm tuyển sinh 2018);

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level); thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ), thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương đạt điểm theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ĐHQGHN;

- Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định, không vi phạm pháp luật.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành III						
Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I. Luật	310	301	-	330	361	-
<i>Tổ hợp 1: C00</i>	80	135	24,50	110	119	25.50
<i>Tổ hợp 2: A00</i>	55	30	18,50	50	55	21.00
<i>Tổ hợp 3: D01</i>	95	95	18,50	105	129	21.55
<i>Tổ hợp 4: D03</i>	05	03	18,00	10	8	18.45
<i>Tổ hợp 5: D78</i>	50	38	19,00	40	48	22.17
<i>Tổ hợp 6: D82</i>	05	-	19,00	5	3	18.90
II. Luật CLC (TT 23)	40	47	18,25	50	42	21.20
III. Luật kinh doanh	140	135	20,75	170	177	21.95
IV. Luật thương mại quốc tế	-	-	-	50	52	21.95
Tổng:	490	501	-	600	632	-

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 880 m²;
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): ký túc xá chung với toàn ĐHQGHN;
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	31	1630
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	100
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	783
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	05	293
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	03	110
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	15	344
2.	Thư viện, trung tâm học liệu *	01	156
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	05	143
	Tổng:	37	1929

* Thư viện, trung tâm học liệu: Khoa có 01 phòng Thư viện – Học liệu – Xuất bản được thống kê bên trên, đồng thời dùng chung Thư viện – Học liệu với ĐHQGHN.

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành máy tính	Máy tính để bàn: 35 bộ, kết nối mạng, cài ứng dụng thư viện của ĐHQGHN	Khối ngành III

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Stt	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	- Tại Trung tâm thông tin thư viện VNU: gần 30.000 tài liệu tham khảo, 15 cơ sở dữ liệu với 54.000 cuốn sách dùng chung cho các ngành đào tạo. Trong đó, thư viện có 4.918 cuốn giáo trình và 23.750 cuốn tài liệu tham khảo phục vụ các chương trình giáo dục ngành Luật, quản lý nhà nước; hệ thống

Stt	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
		thư viện điện tử được trang bị hiện đại, bao gồm: 10 máy chủ và hơn 200 máy trạm làm việc và tra cứu. - Tại thư viện Khoa Luật: có 3.800 sách tiếng Việt và tiếng Anh; 5.238 luận văn; 20 đầu báo và tạp chí; kho dữ liệu nghiên cứu của mạng VINAREN-TEIN2 và phần mềm tài nguyên số cũng được sử dụng hiệu quả

2. Danh sách giảng cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

2.1. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
						Đại học	
						Mã ngành	Tên ngành
1	Lê Văn Cẩm	Nam	GS	TSKH	Luật học	7380101	Luật
2	Nguyễn Bá Diên	Nam	GS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
3	Nguyễn Đăng Dung	Nam	GS	TS	Luật học	7380101	Luật
4	Phan Trung Lý	Nam	GS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
5	Đỗ Ngọc Quang	Nam	GS	TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
6	Hoàng Thị Kim Quế	Nữ	GS	TS	Luật học	7380101	Luật
7	Phạm Hồng Thái	Nam	GS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
8	Đào Trí Úc	Nam	GS	TSKH	Luật học	7380101	Luật
9	Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
10	Nguyễn Thị Quế Anh	Nữ	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
11	Ngô Huy Cương	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
12	Nguyễn Ngọc Chí	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
13	Dương Đức Chính	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
14	Vũ Công Giao	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
15	Đỗ Đức Minh	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
16	Đoàn Năng	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
17	Doãn Hồng Nhung	Nữ	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
18	Trần Quang Tiệp	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
19	Trịnh Quốc Toàn	Nam	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
20	Đặng Minh Tuấn	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
21	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
22	Chu Hồng Thanh	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD
23	Lê Thị Hoài Thu	Nữ	PGS	TS	Luật học	7380101	Luật
24	Kiều Đình Thụ	Nam	PGS	TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
25	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	PGS	TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
26	Trịnh Tiến Việt	Nam	PGS	TS	Luật học	7380110	Luật KD

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
						Đại học	
						Mã ngành	Tên ngành
27	Nguyễn Tiến Vinh	Nam	PGS	TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
28	Trần Quốc Bình	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
29	Nguyễn Thị Phương Châm	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
30	Lê Lan Chi	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
31	Trương Thị Kim Dung	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
32	Bùi Tiên Đạt	Nam		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
33	Mai Hải Đăng	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
34	Nguyễn Trọng Điệp	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
35	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
36	Nguyễn Khắc Hải	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
37	Trần Thu Hạnh	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
38	Đặng Vũ Huân	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
39	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
40	Nguyễn Vinh Hưng	Nam		TS	Luật học	7380110	Luật KD
41	Ngô Thanh Hương	Nữ		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
42	Ngô Thị Minh Hương	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
43	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
44	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
45	Đào Thị Thu Hường	Nữ		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
46	Trần Kiên	Nam		TS	Luật học	7380110	Luật KD
47	Nguyễn Thị Lan	Nữ		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
48	Đặng Thị Bích Liễu	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
49	Nguyễn Thị Minh	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
50	Đỗ Giang Nam	Nam		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
51	Nguyễn Thành Nam	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
52	Lê Thị Phương Nga	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
53	Chu Thị Ngọc	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
54	Nguyễn Lan Nguyên	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
55	Phan Quốc Nguyên	Nam		TS	Luật học	7380110	Luật KD
56	Lê Kim Nguyệt	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
57	Bùi Xuân Nhựt	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
58	Nguyễn Văn Phương	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
59	Phan Thị Lan Phương	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
60	Nguyễn Văn Quân	Nam		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
61	Hoàng Văn Quỳnh	Nam		TS	Luật học	7380110	Luật KD
62	Nguyễn Sơn	Nam		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
63	Nguyễn Thị Xuân Sơn	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
64	Nguyễn Văn Tuấn	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
65	Hoàng Anh Tuấn	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
66	Lã Khánh Tùng	Nam		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
67	Nguyễn Bích Thảo	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
						Đại học	
						Mã ngành	Tên ngành
68	Phạm Thị Duyên Thảo	Nữ		TS	Luật học	7380110	Luật KD
69	Mai Văn Thắng	Nam		TS	Luật học	7380110	Luật KD
70	Nguyễn Mạnh Thắng	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
71	Trần Nho Thìn	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
72	Nguyễn Lê Thu	Nữ		TS	Luật học	7380109	Luật TMQT
73	Nguyễn Thị Anh Thu	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
74	Phan Thị Thanh Thủy	Nữ		TS	Luật học	7380101	Luật
75	Trần Trí Trung	Nam		TS	Luật học	7380101	Luật
76	Nguyễn Khắc Chinh	Nam		ThS	Luật học	7380101	Luật
77	Nguyễn Đăng Duy	Nam		ThS	Luật học	7380101	Luật
78	Nguyễn Thùy Dương	Nữ		ThS	Luật học	7380101	Luật
79	Nguyễn Anh Đức	Nam		ThS	Luật học	7380110	Luật KD
80	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ		ThS	Luật học	7380110	Luật KD
81	Lê Thị Bích Huệ	Nữ		ThS	Luật học	7380110	Luật KD
82	Khuất Quang Phát	Nam		ThS	Luật học	7380109	Luật TMQT
83	Nguyễn Thị Hoài Phương	Nữ		ThS	Luật học	7380109	Luật TMQT
84	Trần Công Thịnh	Nam		ThS	Luật học	7380109	Luật TMQT
85	Nguyễn Anh Thu	Nữ		CN	Luật học	7380109	Luật TMQT

2.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- (1) Người học hết chương trình THPT và tốt nghiệp THPT trong năm đăng ký xét tuyển (ĐKXT); (2) người đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp có bằng THPT; (3) người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hoá trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT; (4) người tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Người nước ngoài đã tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT và đáp ứng các yêu cầu tại Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ - ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN;

- Thí sinh đăng ký xét tuyển có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Khoa Luật tuyển sinh trên phạm vi cả nước và quốc tế.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển thí sinh có kết quả bài thi THPT năm 2020 theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Khoa Luật và ĐHQGHN quy định;

- Xét tuyển thí sinh có Chứng chỉ quốc tế A-Level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK);

- Xét tuyển thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);

- Xét tuyển thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (**American College Testing**);

- Xét tuyển thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (*xem Phụ lục 1*);

- Xét tuyển thẳng và xét tuyển đối với thí sinh: (1) đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; (2) thí sinh đạt giải **nhất, nhì, ba** trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; (3) thí sinh đạt giải **nhất, nhì** cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trung ương; (4) thí sinh là học sinh hệ chuyên của trường THPT chuyên;

- Xét tuyển thẳng và xét tuyển thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ - ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

(Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật)

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số QĐ mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Ngành Luật	7380101	1994/KH	23/07/1986	ĐHQGHN	1976	2019
2	Ngành Luật CLC (TT23)*	7380101CLC	917/ĐHQGHN	19/03/2018		2018	2019
3	Ngành Luật Kinh doanh	7380110	1994/KH	23/07/1986		2003	2019
4	Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	538/ĐHQGHN	26/02/2019		2019	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học		Luật										
1.1	Đại học	7380101	Luật	290	10	C00	Văn	A00	Toán	D01, D03	Ngoại ngữ	D78, D82	Ngoại ngữ
1.2	Đại học	7380101CLC *	Luật chất lượng cao theo TT23	45	05	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D07	Tiếng Anh	D78	Tiếng Anh
2	Đại học	7380110	Luật Kinh doanh	165	05	A00	Toán	A01	Ngoại ngữ	D01, D03	Ngoại ngữ	D90, D91	Ngoại ngữ
3	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế	45	05	A00	Toán	A01	Ngoại ngữ	D01	Tiếng anh	D78, D82	Ngoại ngữ

* Luật chất lượng cao thu học phí theo điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Xét tuyển thí sinh theo kết quả thi THPT năm 2020: Khoa Luật dự kiến ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với xét tuyển thí sinh theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2020 như sau:

- + Ngành Luật: 17.0;
- + Ngành Luật CLC TT23: 17.0;
- + Ngành Luật Kinh doanh: 17.0;
- + Ngành Luật Thương mại quốc tế: 17.0.

*/ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào nói trên được áp dụng cho tất cả các tổ hợp xét tuyển thuộc các ngành tương ứng.

- Xét tuyển các phương thức khác: ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tuân thủ các quy định tương ứng với các hình thức xét tuyển tại mục 1.8 của Đề án này.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

(mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...)

1.6.1. Tên trường, mã trường, mã ngành, tổ hợp xét tuyển

Tên trường: Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Mã trường: QHL

TT	Tên ngành đào tạo/Tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu		Ghi chú
				Thi THPT	Phương thức khác	
1	Luật					
1.1	Luật	7380101		270	30	
	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý		C00	95		Xét tuyển theo chỉ tiêu từng tổ hợp
	Toán, Vật lý, Hóa học		A00	45		
	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ		D01, 03	D01: 85 D03: 05		
	Ngữ Văn, Ngoại ngữ, KHXH		D78, 82	D78: 35 D82: 05		
1.2	Luật chất lượng cao theo TT23 (thu học phí theo điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT)	7380101CLC		45	05	Xét điểm theo ngành, điểm thi THPT tiếng Anh tối thiểu 4.0/10
	Toán, Vật lý, Tiếng Anh		A01			
	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh		D01			
	Toán, Hóa học, Tiếng Anh		D07			
	Ngữ Văn, Tiếng Anh, KHXH		D78			
2	Luật Kinh doanh	7380110		150	20	Xét điểm theo ngành
	Toán, Vật lý, Hóa học		A00			
	Toán, Vật lý, Tiếng Anh		A01			
	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ		D01, 03			
	Toán, Ngoại ngữ, KHTN		D90, 91			
3	Luật Thương mại quốc tế	7380109		45	05	Xét điểm theo ngành
	Toán, Vật lý, Hóa học		A00			
	Toán, Vật lý, Tiếng Anh		A01			
	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ		D01			
	Ngữ Văn, Ngoại ngữ, KHXH		D78, 82			

1.6.2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi THPT năm 2020 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định. Riêng với các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học theo đề án (đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT) phải đảm bảo điều kiện kết quả môn Ngoại ngữ của kì thi THPT năm 2020 đạt tối thiểu điểm 4.0 trở lên (theo thang điểm 10);

- Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng và xét tuyển cần đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN và của Khoa Luật (xem Mục 1.8.1, tiểu mục 1.8.2.1, tiểu mục 1.8.2.2 và tiểu mục 1.8.2.3);

- Thí sinh sử dụng kết quả thi SAT, chứng chỉ A-Level, ACT, IELTS hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương để ĐKXT phải đảm bảo điều kiện được quy định tại tiểu mục 1.8.2.4;

- Thí sinh là người nước ngoài đăng ký xét tuyển vào Khoa cần đáp ứng các yêu cầu tại Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

1.6.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT năm 2020: Xét tuyển theo tổ hợp các bài thi/môn thi. Điểm trúng tuyển được tính trên điểm của tổ hợp bài thi/môn thi thí sinh đăng ký xét tuyển và được xác định theo từng tổ hợp (với ngành Luật) và theo ngành (với các ngành còn lại);

- Đối với thí sinh xét tuyển thẳng (Mục 1.8.1, tiểu mục 1.8.2.1, tiểu mục 1.8.2.2 và tiểu mục 1.8.2.3) được xét từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ. Thứ tự ưu tiên xét theo cấp độ giải thưởng (quốc tế, khu vực, quốc gia), kết quả học tập THPT, kết quả thi THPT năm 2020;

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi SAT, chứng chỉ A-Level, ACT, IELTS (tiểu mục 1.8.2.4) được xét từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ;

- Nếu số thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng (mục 1.8.1, tiểu mục 1.8.2.1, tiểu mục 1.8.2.2 và tiểu mục 1.8.2.3) và phương thức xét tuyển thí sinh sử dụng các chứng chỉ quốc tế (tiểu mục 1.8.2.4) xác nhận nhập học ít hơn chỉ tiêu dự kiến, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang cho phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2020;

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;

- Xét tuyển sinh viên quốc tế: Thí sinh là người nước ngoài đăng ký xét tuyển vào Khoa cần đáp ứng các yêu cầu tại Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ - ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

1.6.4. Tiêu chí phụ

- *Tiêu chí phụ 1:*

+ Đối với chương trình chuẩn: Trong trường hợp tại ngưỡng điểm trúng tuyển của từng ngành, số thí sinh bằng ngưỡng điểm trúng tuyển nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại của từng ngành (số chỉ tiêu xét tuyển còn lại bằng chỉ tiêu xét tuyển trừ số thí sinh có số điểm cao hơn ngưỡng điểm xét tuyển) thì tiêu chí phụ là tổng điểm xét tuyển không bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng;

+ Đối với chương trình CLC thu học phí theo điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT: đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Tiếng Anh;

- *Tiêu chí phụ 2*: Theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Khoa.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Xét tuyển đợt 1: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN (Khoa sẽ có thông báo cụ thể sau):

+ Thời gian xét tuyển theo kết quả thi THPT: từ 24/09/2020 đến 17h00 ngày 26/09/2020;

+ Thời gian xét tuyển các phương thức khác: trước 17h00 ngày 20/08/2020;

- Xét tuyển đợt bổ sung (nếu có): Khoa sẽ thông báo cụ thể sau nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh.

1.8. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

1.8.1. Xét tuyển thẳng và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Người đã trúng tuyển vào Khoa, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào Khoa. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, đã tốt nghiệp THPT (môn thi phải thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo quy định tại đề án);

d) Thí sinh đạt **giải nhất, nhì, ba** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn thi: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung (môn thi đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo quy định tại đề án);

e) Thí sinh đạt **giải nhất, nhì, ba** trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (nhóm Khoa học xã hội và hành vi và có đề tài dự thi được Hội đồng tuyển sinh Khoa Luật đánh giá phù hợp với ngành ĐKXT);

d) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ (sau đây gọi tắt là đối tượng 30a); những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm

học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do hiệu trưởng các trường quy định.

1.8.2. Xét tuyển thẳng và xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN

1.8.2.1. Học sinh hệ chuyên của 2 trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào Khoa Luật phải tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm;

d) Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia, đạt danh hiệu học sinh giỏi trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) và không có điểm bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT nào dưới 5,0 điểm.

e) Có điểm trung bình chung học tập mỗi học kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và điểm trung bình chung học tập của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành (*mức điểm xét tuyển cụ thể và các tiêu chí phụ do đơn vị quy định*).

Học sinh đạt một trong các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d Mục 1.8.2.1 Hướng dẫn này trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thẳng vào bậc đại học tại ĐHQGHN.

1.8.2.2. Học sinh hệ chuyên các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào Khoa Luật nếu đáp ứng các yêu cầu như đối với học sinh hệ chuyên của 2 trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN (xem tại tiểu mục 1.8.2.1) và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Học sinh thuộc trường THPT chuyên có tên trong danh sách các trường THPT chuyên được Khoa Luật dành chỉ tiêu xét tuyển thẳng;

b) Học sinh có tên trong danh sách kèm theo hồ sơ và công văn của Hiệu trưởng trường THPT chuyên đề nghị Khoa Luật xét tuyển thẳng và xét tuyển.

1.8.2.3. Học sinh các trường THPT trên toàn quốc được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào Khoa Luật phải tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng tiêu chí sau: đạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên.

Tiêu chí xét tuyển dựa trên kết quả học tập 5 kỳ và thứ tự ưu tiên theo kết quả môn đạt giải thí sinh đạt được.

1.8.2.4. Xét tuyển thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level, ACT, IELTS

a) Xét tuyển các thí sinh có chứng chỉ quốc tế A-Level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Anh) theo điểm 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60);

b) Xét tuyển thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi** (thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT);

c) Xét tuyển thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (**American College Testing**) đạt điểm từ 22/36, trong đó các điểm thành phần môn Toán (Mathematics) $\geq 35/60$ và môn Khoa học (Science) $\geq 22/40$;

d) Xét tuyển thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (*bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10 - xem Phụ lục 1*) và có tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm trong kỳ thi THPT năm 2020;

Lưu ý: Tất cả các chứng chỉ nêu trên phải còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm (tính từ ngày dự thi).

1.8.2.5. Thí sinh là người nước ngoài đăng ký xét tuyển vào Khoa cần đáp ứng các yêu cầu tại Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ - ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

1.8.3. Ưu tiên xét tuyển

Các thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng thì phải đăng ký dự thi THPT theo quy định và nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào Khoa Luật, điều kiện và mức điểm ưu tiên được quy định dưới đây:

1.8.3.1. Thí sinh đạt giải **nhất, nhì, ba** cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thí sinh đạt giải **nhất, nhì, ba** trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (nhóm Khoa học xã hội và hành vi, có đề tài dự thi phù hợp) nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng vào Khoa Luật có kết quả thi THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Khoa Luật và ĐHQGHN quy định, được cộng điểm ưu tiên như sau:

- Giải nhất: 3,0 điểm;
- Giải nhì: 2,5 điểm;
- Giải ba: 2,0 điểm.

1.8.3.2. Thí sinh đạt giải **nhất, nhì** cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trung ương nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng vào Khoa Luật có kết quả thi THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Khoa Luật và ĐHQGHN quy định, được cộng điểm ưu tiên như sau:

- Giải nhất: 1,5 điểm;
- Giải nhì: 1,0 điểm.

1.8.4. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực

- Khoa Luật thực hiện chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực căn cứ vào Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN.

- Xét tuyển thí sinh diện dự bị đại học vào ngành Luật và ngành Luật Kinh doanh, chỉ tiêu cụ thể như sau:

- + Chỉ tiêu: 03% trên tổng chỉ tiêu năm 2020;
- + Nguyên tắc xét tuyển: Xét kết quả học tập, rèn luyện của học sinh sau một năm học dự bị, xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

1.8.5. Chỉ tiêu; hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển, ưu tiên xét tuyển

1.8.5.1. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng và xét tuyển

- Chỉ tiêu xét tuyển thẳng và xét tuyển: 07% trên tổng chỉ tiêu năm 2020;

- **Chỉ tiêu đối với đối tượng 30a (điểm d, tiểu mục 1.8.1): Ngành Luật (mã ngành 7380101): 03 chỉ tiêu; Ngành Luật Kinh doanh (mã ngành 7380110): 02 chỉ tiêu.**

1.8.5.2. Hồ sơ và thời gian đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển, ưu tiên xét tuyển

- Hồ sơ ĐKXT thẳng đối với thí sinh là đối tượng được quy định tại tiểu mục 1.8.1 và hồ sơ UTXT đối với thí sinh đạt giải **nhất, nhì, ba** cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thí sinh đạt giải **nhất, nhì, ba** trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng và UTXT tại Sở GD&ĐT;

- Hồ sơ và thời gian nhận hồ sơ ĐKXT thẳng đối với thí sinh là đối tượng được quy định tại mục 1.8.2 và hồ sơ UTXT đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trung ương:

+ Hồ sơ ĐKXT thẳng, hồ sơ UTXT thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại Thông báo xét tuyển thẳng và xét tuyển đại học chính quy năm 2020 trên website: <http://law.vnu.edu.vn/>;

+ Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT thẳng và UTXT trực tiếp tại Khoa Luật hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện trước ngày 20/07/2020.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT: Theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Lệ phí xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: 30.000đ/1 nguyện vọng

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Chương trình đào tạo chuẩn: học phí áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

- Các chương trình chất lượng cao thu phí theo điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT: mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2019 là: 140 triệu đồng/Khóa, tương ứng 3,5 triệu đồng/tháng.

1.11. Các nội dung khác

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13. Năm tuyển sinh 2018

Stt	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
		Đại học	Đại học	Đại học	Đại học
1.	Khối ngành III	490	523	281	89%
	Tổng:	490	523	281	89%

1.13.2. Năm tuyển sinh 2019

Stt	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
		Đại học	Đại học	Đại học	Đại học
1.	Khối ngành III	600	655	160	97.74%
	Tổng:	600	655	160	97.74%

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 45.089.000.000 đ/năm;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 13.000.000 đ/sinh viên/năm.

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp có bằng THPT; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hoá trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật theo quy định.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Khoa Luật tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi riêng do Khoa tổ chức: thi 03 môn: Văn học, Lịch sử, Địa lý;
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo tổng điểm trung bình lớp 12 bậc THPT của 03 môn trong tổ hợp khối thi của hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng năm;
- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT theo tổ hợp các khối thi của hệ đào tạo chính quy trong năm tuyển sinh.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.		Luật	50	1994/KH	23/07/1986	ĐHQGHN	1986

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo quy định của ĐHQGHN và Khoa Luật.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.7.1. Hồ sơ đăng ký dự thi

Mỗi thí sinh đăng ký dự thi nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

- 01 phiếu đăng ký dự thi hoặc phiếu đăng ký xét tuyển;
 - 01 Quyết định cho phép đi học của thủ trưởng cơ quan đơn vị đối thí sinh là quân nhân, công an tại ngũ;
 - 01 bản sao giấy khai sinh có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;
 - 01 bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp hoặc ủy ban nhân dân xã, phường;
 - 01 bản sao giấy chứng nhận hợp pháp là đối tượng ưu tiên có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - 01 bản sao bằng tốt nghiệp THPT (trung học chuyên nghiệp, trung học bổ túc, trung học nghề) có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; Hoặc 01 bản sao giấy giấy chứng nhận kết quả thi THPT của năm tuyển sinh tương ứng;
 - 01 bản sao bằng tốt nghiệp đại học có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (nếu có, để được xét miễn thi);
 - 02 ảnh màu chụp kiểu chứng minh nhân dân cỡ 4x6 cm, mặt sau ảnh ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh và bỏ vào phong bì riêng, ngoài phong bì cũng ghi rõ nội dung trên;
 - 03 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận;
- Tất cả hồ sơ đăng ký dự thi đựng trong túi hồ sơ, ngoài bì ghi đầy đủ thông tin.

2.7.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký kết tuyển

Thí sinh nộp hồ sơ tại Khoa Luật – ĐHQGHN;

Địa chỉ: P109, nhà E1, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

2.7.3. Thời gian nhận hồ sơ

Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/06/2020.

2.7.4. Thời gian thi tuyển

Khoa dự kiến thời gian thi tuyển và xét tuyển vào cuối tháng 06/2020. Thông tin chi tiết sẽ được Khoa thông báo cụ thể trên website của Khoa và thông báo tới thí sinh qua được bưu điện.

2.8. Chính sách ưu tiên

2.8.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng và chính sách ưu tiên theo khu vực

Khoa Luật thực hiện chính sách ưu tiên theo đối tượng, chính sách ưu tiên theo khu vực căn cứ vào Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT hiện hành.

2.8.2. Điều kiện được xét miễn thi tuyển sinh

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;
- Người đã dự thi và trúng tuyển hệ đại học chính quy hoặc hệ đại học vừa làm vừa học vào Khoa Luật - ĐHQGHN, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ

cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ và chưa quá 5 năm tính từ ngày dự thi đại học thì được xem xét nhận vào học tại Khoa Luật - ĐHQGHN;

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành trong nhóm ngành hoặc cùng khối dự thi tuyển sinh với ngành đăng ký dự thi (Ngành Luật - Khối A, A1, C, D).

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển/thi tuyển khi nộp hồ sơ, mức phí cụ thể như sau:

- Lệ phí thi tuyển sinh (diện thi tuyển): 1.000.000 ^d/1 thí sinh;

- Lệ phí xét tuyển sinh (diện xét tuyển): 500.000 ^d/1 thí sinh.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí dự kiến 01 tín chỉ cho toàn khóa học là 640.000 ^d/1 tín chỉ.

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.11.1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ

- Thời gian bán hồ sơ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/06/2020;

- Địa điểm bán hồ sơ: P103, nhà E1, Khoa Luật - ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

2.11.2. Thời gian, địa điểm học

- Thời gian học: 05 năm;

- Hình thức học: Học cả ngày thứ 7 và Chủ nhật;

- Địa điểm học: Nhà E1, Khoa Luật - ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo Thông báo cụ thể trên website của Khoa.

3. Tuyển sinh cấp bằng đại học thứ 2 (hệ vừa làm vừa học)

3.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã tốt nghiệp đại học và đã được cấp bằng đại học của một ngành khác;

- Thí sinh đăng ký xét tuyển có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật theo quy định.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

Khoa Luật tuyển sinh trong cả nước.

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển căn cứ vào bằng đại học và bằng điểm học tập bậc đại học ở ngành khác.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VL VH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật		50	1994/KH	23/07/1986	ĐHQGHN	1986

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo quy định của ĐHQGHN và Khoa Luật.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.7.1. Hồ sơ đăng ký dự thi

- 01 phiếu đăng ký xét tuyển;
 - 01 Quyết định cho phép đi học của thủ trưởng cơ quan đơn vị đối thí sinh là quân nhân, công an tại ngũ;
 - 01 bản sao giấy khai sinh có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;
 - 01 bản sao giấy chứng nhận hợp pháp là đối tượng ưu tiên có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - 01 bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;
 - 02 ảnh màu chụp kiểu chứng minh nhân dân cỡ 4x6 cm, mặt sau ảnh ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh và bỏ vào phong bì riêng, ngoài phong bì cũng ghi rõ nội dung trên;
 - 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận;
- Tất cả hồ sơ đăng ký dự thi đựng trong túi hồ sơ, ngoài bì ghi đầy đủ thông tin.

3.7.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký kết tuyển

Thí sinh nộp hồ sơ tại Khoa Luật – ĐHQGHN;

Địa chỉ: P109, nhà E1, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

3.7.3. Thời gian nhận hồ sơ

Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/06/2020.

3.7.4. Thời gian xét tuyển

Khoa dự kiến thời gian xét tuyển vào cuối tháng 06/2020. Thông tin chi tiết sẽ được Khoa thông báo cụ thể trên website của Khoa và thông báo tới thí sinh qua đường bưu điện.

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

Lệ phí đăng ký xét tuyển: 100.000^d/01 thí sinh.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí 01 tín chỉ cho toàn khóa học là: 450.000^d/1 tín chỉ.

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

3.10.1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ

- Thời gian bán hồ sơ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/06/2020;
- Địa điểm bán hồ sơ: P103, nhà E1, Khoa Luật - ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

3.10.2. Thời gian, địa điểm học

- Thời gian học: 03 năm;
- Hình thức học: Học cả ngày thứ 7 và Chủ nhật;
- Địa điểm học: Hà Nội.

4. Tuyển sinh chương trình đào tạo thứ hai trình độ đại học

4.1. Đối tượng tuyển sinh

4.1.1. Đối tượng tuyển sinh ngành Luật

- Sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chuẩn chính quy tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN;
- Sinh viên đang học chương trình chất lượng cao trình độ đại học theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT được đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai tại Khoa Luật - ĐHQGHN.

4.1.2. Đối tượng tuyển sinh ngành Luật kinh doanh

- Sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chuẩn chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, Khoa Quốc tế - ĐHQGHN;
- Sinh viên đang học chương trình chất lượng cao trình độ đại học theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT được đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai tại Khoa Luật - ĐHQGHN.

4.2. Phạm vi tuyển sinh

Sinh viên của ĐHQGHN, cụ thể: sinh viên hệ đại học chính quy thuộc chương trình đào tạo đại học chuẩn chính quy và chương trình chất lượng cao trình độ đại học theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Kinh tế và Khoa Quốc tế của ĐHQGHN.

4.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Khoa Luật tuyển sinh chương trình đào tạo thứ hai trình độ đại học theo phương thức xét tuyển.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo Chương trình đào tạo thứ 2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Đại học	7380101	Luật	70		1994/KH	23/07/1986	ĐHQGHN	
2.	Đại học	7380110	Luật kinh doanh	30		1994/KH	23/07/1986		

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Đã học ít nhất hai học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất.
- Điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,00 trở lên;
- Sinh viên có đơn xin học chương trình đào tạo thứ hai và tự nguyện đóng kinh phí đào tạo theo quy định của Khoa Luật;
- Nguyên tắc: Xét tuyển sinh viên có điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu (*điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét tuyển*).

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

4.6.1 Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ

- **Thời gian:** sinh viên xem trong thông báo tuyển sinh đăng tải tại website <http://www.law.vnu.edu.vn>;

- **Địa điểm:** sinh viên xem trong thông báo tuyển sinh đăng tải tại website <http://www.law.vnu.edu.vn>.

4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

4.7.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp

- Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*);
- Bảng điểm đại học ngành 1 ghi rõ điểm trung bình chung tính đến hết học kỳ I, năm học 2019-2020;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- 02 ảnh chân dung cỡ 3x4 chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất, mặt sau ảnh ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, lớp, Khoa, Trường ngành 1.

4.7.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển online

- Sinh viên điền thông tin trong phiếu đăng ký xét tuyển online tại đường link trong thông báo tuyển sinh đăng tải tại website <http://www.law.vnu.edu.vn>;

- Hạn đăng ký và nộp lệ phí xét tuyển online sinh viên xem trong thông báo tuyển sinh đăng tải tại website <http://www.law.vnu.edu.vn>;

Sau ngày đăng ký xét tuyển online, thí sinh nộp trực tiếp tại: Phòng ĐT&CTHSSV, Khoa Luật, ĐHQGHN (*Phòng 111, Nhà E1, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội*) theo thông báo cụ thể;

- Sinh viên nộp lệ phí xét tuyển bằng cách chuyển khoản vào số tài khoản:
+ Số tài khoản: 26010000787760;
+ Đơn vị thụ hưởng: Khoa Luật, ĐHQGHN ;
+ Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Mỹ Đình;

Nội dung chuyển khoản: BK2020-MSSV-Họ tên-Ngành đăng kí;

Lưu ý: Sinh viên chỉ được chính thức xét tuyển khi hoàn thiện việc nộp lệ phí xét tuyển.

4.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

Lệ phí hồ sơ và xét tuyển: 100.000đ/hồ sơ.

4.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí được tính theo đơn vị tín chỉ, tương ứng với số tín chỉ đăng ký học trong học kỳ đó;

- Thời gian nộp học phí: Sinh viên nộp học phí vào đầu mỗi học kỳ;

- Học phí tạm tính năm học 2019-2020: 360.000đ/tín chỉ.

4.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Khoa sẽ thông báo cụ thể trên website: <http://www.law.vnu.edu.vn>.

4.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

- Thông báo tuyển sinh được đăng tải công khai trên website <http://www.law.vnu.edu.vn>;

- Sinh viên sẽ được hướng dẫn đăng ký môn học và nhận Thời khóa biểu tại buổi nhập học;

- Sinh viên xem chi tiết các khung chương trình đào tạo thứ hai tại website của Khoa Luật, ĐHQGHN;

- Thông tin liên hệ:

Phòng ĐT&CTHSSV, Khoa Luật, ĐHQGHN (P111 nhà E1, Khoa Luật);

Điện thoại: 02437.549714, thông tin chi tiết và tải mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển trên Website: <http://www.law.vnu.edu.vn>.

Cán bộ kê khai

**KT. CHỦ NHIỆM KHOA
PHÓ CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS ĐẠI HỌC
CHÍNH QUY NĂM 2020**

Vũ Đặng Phúc

Số điện thoại: 0243.7549714
Email: vudangphuc@vnu.edu.vn

Trịnh Tiến Việt

Phụ lục 1

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ SANG THANG ĐIỂM 10

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2020 số /KL-ĐT&CTHSSV
ngày /05/2020 của Khoa Luật - ĐHQGHN)

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	65-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6.5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00